

Số: 259 /BC-UBND

Đắk Nông, ngày 24 tháng 4 năm 2023

### BÁO CÁO

Về việc tiếp thu, giải trình kết luận của Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông

Thực hiện Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh khóa IV tại Thông báo số 16/TB-HĐND ngày 22/4/2023 và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với Tờ trình, dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (Dự thảo Nghị quyết); Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, làm rõ thêm một số nội dung như sau:

STT	Ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh	Giải trình của Ủy ban nhân dân tỉnh
1	<p>- Nên thực hiện cơ chế hỗ trợ vật liệu như giai đoạn 2016-2020: đối với hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn kế thừa theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020.</p> <p>- Rà soát một số nội dung tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh còn phù hợp với giai đoạn hiện nay, thực hiện có hiệu quả trong thực tế thì nên kế thừa.</p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau: Cơ chế hỗ trợ làm đường giao thông nông thôn (đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm; giao thông nội đồng) theo Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh là hỗ trợ định mức nguyên vật liệu (cát, đá, xi măng, ca máy) theo định mức kỹ thuật trên 01km đường bê tông xi măng mác 200, chiều rộng 03m, chiều dày 16cm.</p> <p>Tuy nhiên, theo quy chuẩn đường giao thông nông thôn trong giai đoạn hiện nay (tại Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 03/2/2023 về ban hành thiết kế mẫu, thiết kế điển hình đối với các dự án được áp dụng cơ chế đặc thù thuộc Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh) thì làm đường giao thông nông thôn có 3 cấp (A, B, C)</p>

		<p>với các tiêu chuẩn đường khác nhau, như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường cấp A tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 300, dày (18-22cm), bề rộng mặt đường 3,5m, đắp bù lề đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc <math>\geq 0,92</math>, chiều rộng tối thiểu một bên từ 1,25-1,75m.</li> <li>- Đường cấp B tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 250, dày (16-18cm), bề rộng mặt đường 3-3,5m, đắp bù lề đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc <math>\geq 0,92</math>, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5-0,75m.</li> <li>- Đường cấp C tiêu chuẩn Bê tông xi măng đá 1x2, mác 200, dày (14-16cm), bề rộng mặt đường 2-3m, đắp bù lề đất bằng đường cấp III đảm bảo độ chặt Kyc <math>\geq 0,92</math>, chiều rộng tối thiểu một bên từ 0,5m. Bên cạnh đó, tại Quyết định số 106/QĐ-UBND còn có các loại đường đá dăm, lán nhựa gồm các cấp A, B, C có tiêu chuẩn thiết kế khác với loại đường nêu trên nên vật liệu sử dụng loại đường này cũng khác.</li> </ul> <p>Do đó, nếu kế thừa quy định mức hỗ trợ theo như định mức tại Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh thì không còn phù hợp và mức đóng góp của người dân sẽ tăng lên rất nhiều, do đó sẽ rất khó thực hiện.</p> <p>Vì vậy, trong giai đoạn hiện nay UBND tỉnh đề xuất quy định hỗ trợ theo tỷ lệ % tổng mức đầu tư của công trình (không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng) để linh động, thuận lợi hơn trong quá trình thực hiện; đồng thời giảm bớt mức đóng góp của người dân trong quá trình tham gia thực hiện công trình.</p>
2	<p>Xem xét một số nội dung, công trình có cần đưa vào Phụ lục quy định hỗ trợ. Nên tập trung hỗ trợ vào một số nội dung cơ bản, phù hợp thực tế; về tỷ lệ hỗ trợ thì rà soát điều chỉnh một số nội dung cho phù hợp hiện nay</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và điều chỉnh như sau: Để phù hợp thực tế, bỏ các nội dung, công trình: (1) Hệ thống điện chiếu sáng các trục đường nông thôn; (2) Điểm mua bán, trao đổi hàng hóa tập trung trên địa bàn xã; (3) Hạ tầng các khu sản xuất tập trung, tiểu thủ công nghiệp, thủy sản.</p>

3	<p>Dự thảo quy định về quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh xây dựng tương đối khá chặt chẽ, được các sở, ngành địa phương góp ý nhiều lần trước khi trình HĐND tỉnh. Tuy nhiên, Dự thảo nghị quyết chưa khảo sát, lấy ý kiến ý kiến cấp xã là chưa phù hợp vì đây là những đối tượng thực hiện Chương trình và chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết này.</p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau: Thực hiện theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; theo đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư (cơ quan chuyên môn được UBND tỉnh giao chủ trì, tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết) đã ban hành Công văn số 432/SKH-QLN ngày 08/3/2023 lấy ý kiến các Sở, ban, ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể và đặc biệt là UBND các huyện, thành phố (UBND các huyện, thành phố đã tổng hợp kết quả lấy ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan tại địa phương); ngoài ra, đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh để lấy ý kiến của các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác. Do đó, dự thảo Nghị quyết ban hành là phù hợp và đảm bảo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>
4	<p>Ngoài ra, Dự thảo Nghị quyết được xây dựng theo trình tự thủ tục rút gọn nhưng UBND tỉnh chưa xin ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh là chưa đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 147 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và xin rút kinh nghiệm trong việc tham mưu xây dựng Nghị quyết.</p>
5	<p>Dự thảo Nghị quyết chưa có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế số 02-QC/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh ủy</p>	<p>Ban cán sự Đảng UBND tỉnh đã báo cáo, xin ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Công văn số 58-CV/BCSĐ ngày 07/4/2023. Tuy nhiên, đến ngày 22/4/2023 chưa nhận được ý kiến chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy</p>
6	<p>Nội dung Tờ trình của UBND tỉnh: đề nghị UBND tỉnh rà soát, chỉnh sửa nội dung thuyết minh bổ cục Dự thảo Nghị quyết tại khoản 1 mục IV của Tờ trình số 1765/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Đắk Nông đảm bảo thống nhất với bổ cục và nội dung của Dự thảo Nghị quyết.</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh đảm bảo thống nhất với bổ cục và nội dung của Dự thảo Nghị quyết.</p>
7	<p>Báo cáo rõ việc triển khai Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác;</p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau: Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 14/12/2022 của HĐND tỉnh là quy định về cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các Chương trình MTQG, giữa các Chương trình MTQG và các chương trình, dự án khác; tức là quy định cách thức lồng ghép giữa các nguồn</p>

	<p>tỷ lệ số lượng dự án đầu tư xây dựng thực hiện theo cơ chế đặc thù giai đoạn 2021 -2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông... có trùng lặp, mâu thuẫn với các quy định tại Dự thảo nghị quyết này không. Trường hợp dự án thực hiện lồng ghép nguồn lực có huy động từ cộng đồng dân cư thì thực hiện theo cơ chế nào?.</p>	<p>vốn để thực hiện nhằm đạt mục tiêu chung đề ra. Còn dự thảo Nghị quyết này là quy định mức hỗ trợ để thực hiện nội dung, công việc cụ thể trong xây dựng nông thôn mới. Do đó, quy định tại Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND và Dự thảo của Nghị quyết này là không trùng lặp, mâu thuẫn với các nội dung. Vì vậy, khi áp dụng thực hiện các đơn vị, địa phương phải căn cứ vào tính chất công việc và mục đích thực hiện để áp dụng Nghị quyết cho phù hợp.</p>
8	<p>Tại khoản 4, Điều 4, nguyên tắc huy động quy định: <i>...Khi hoạt động, nội dung, dự án hoàn thành còn dư vốn huy động thì được chuyển qua đầu tư cho hoạt động, nội dung, dự án khác trên cùng địa bàn...</i> đề nghị bổ sung cụm từ: thôn, buôn, bản để đảm bảo chặt chẽ.</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và đã bổ sung vào Dự thảo Nghị quyết.</p>
9	<p>Điều 5 phương thức huy động và sử dụng vốn tín dụng: Theo quy định tại khoản 1, Điều 11 Nghị định 27: <i> cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng thực hiện theo quy định của Chính phủ và hàng năm UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định quy mô, bố trí ngân sách địa phương thực hiện chính sách tín dụng cho từng lĩnh vực, đối tượng, nội dung của từng Chương trình MTQG..</i> Tuy nhiên, nội dung này quy định còn chung chung, chưa rõ căn cứ thực hiện theo chính sách nào của Trung ương, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát lại các văn bản của Trung ương đã ban hành để quy định lại cho chính xác.</p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau: Tại dự thảo Nghị quyết, đề xuất quy định như sau: <i>“Hàng năm, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân (cấp tỉnh, cấp huyện) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật”,</i> với lý do: (1) Hiện nay các Chương trình MTQG ngoài được huy động vốn từ các chính sách tín dụng của từng chương trình, thì còn huy động vốn từ ngân hàng chính sách xã hội và chính sách tín dụng của các ngân hàng thương mại...; ngoài ra, tại tỉnh Đắk Nông cũng đang thực hiện một số chính sách tín dụng có liên quan như: sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ; Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 về hỗ trợ lãi suất đối với hộ gia đình đồng bào</p>

		DTTS tại chỗ trên địa bàn tỉnh,...; (2) Giai đoạn 2021-2025, trung ương quy định vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện 3 Chương trình MTQG hơn 498 tỷ đồng ( <i>trong đó: NS tỉnh 115 tỷ đồng, NS huyện 383 tỷ đồng</i> ). Vì vậy, việc bố trí vốn đối ứng gây áp lực rất lớn cho các địa phương để thực hiện đối ứng cho các chương trình; (3) Theo quy định Chính phủ không yêu cầu mức huy động tối thiểu nguồn ngân sách địa phương (cấp tỉnh, huyện) ủy thác cho vay tín dụng. Vì vậy, việc huy động thêm ngân sách địa phương để hỗ trợ cho vay tín dụng sẽ tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách là phù hợp thực tế của ngân sách địa phương các địa phương.
10	Tại Điều 6, phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác:	
-	Tại điểm b, khoản 1, Điều 6 quy định: <i>Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương tham gia hoặc có liên quan đến việc huy động nguồn vốn hợp pháp khác chủ động tiếp cận và tích cực vận động, huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ...</i> đề nghị bỏ nội dung này, vì các nguồn vốn này do Trung ương tiếp cận và giải ngân theo cơ chế riêng.	UBND tỉnh tiếp thu và đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết
-	Bỏ nội dung quy định: <i>Tuyệt đối không được yêu cầu nhân dân đóng góp bắt buộc và huy động quá sức dân; không được yêu cầu những hộ dân nghèo, người già, người tàn tật không nơi nương tựa, hộ khó khăn, gia đình chính sách phải đóng góp, vì theo quy định tại Quyết định 236/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ không bắt buộc nhân dân đóng góp, chỉ vận động bằng hình thức thích hợp để người dân tự nguyện đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội của địa phương.</i>	UBND tỉnh tiếp thu và đã chỉnh sửa Dự thảo Nghị quyết

	<p>Tại điểm d, khoản 2 quy định: <i>các khoản đóng góp bằng hiện vật hoặc ngày công lao động được quy đổi thành tiền và phải được tính trong giá trị công trình để theo dõi, quản lý theo tỷ lệ đóng góp đã được thống nhất, cần xem xét quy định này các quy định của Trung ương không quy định việc đóng góp của người dân quy đổi thành tiền.</i></p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và đã điều chỉnh theo đúng quy định tại tiết 5, điểm b, khoản 1, mục V Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.</p>
11	<p>Về cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG quy định tại Chương II: Nội dung này cơ quan soạn thảo còn quy định chung chung, theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Nghị định số 127/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ, quy định chưa rõ phương thức huy động và việc sử dụng nguồn vốn huy động</p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau: Dự thảo Nghị quyết chỉ là khung định hướng có tính chất mở để các địa phương chủ động và linh hoạt trong việc triển khai thực hiện huy động các nguồn lực thực hiện các chương trình, vừa đảm bảo đúng quy định của Trung ương, vừa tạo điều kiện cho các địa phương thuận lợi trong quá trình thực hiện. Việc triển khai thực hiện cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình MTQG tùy thuộc vào tình hình thực tế của từng địa phương do liên quan đến mục tiêu, nội dung hoạt động của từng dự án để thực hiện huy động. Ngoài ra, qua tham khảo thực tiễn của một số tỉnh, đến nay đã có trên 20 tỉnh ban hành (như: Thái Bình, Bắc Kạn, Hòa Bình, Quảng Bình, Lâm Đồng, Gia Lai, ...).</p>
12	<p>Đối với Chương III cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:</p>	
	<p>Cơ chế hỗ trợ đầu tư Chương trình MTQG nông thôn mới: Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước quy định tại phụ lục dự thảo nghị quyết chưa nêu rõ từng cấp ngân sách (NSTW, NSDP) khó khăn cho các đơn vị xây dựng dự toán kế hoạch vốn hàng năm. Đồng thời, chưa có cơ chế hỗ trợ cho các huyện, các xã phần đầu đạt nông thôn mới; chưa có nội dung hướng dẫn quản lý sử dụng nguồn vốn huy động, việc thanh quyết toán đối với các dự án đã triển khai có huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư.</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và giải trình như sau:  (1) Bổ sung quy định phân cấp ngân sách hỗ trợ để thực hiện các nội dung, công trình theo Phụ lục, cụ thể điều chỉnh, bổ sung khoản 1 Điều 9 như sau:  <i>"1. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã theo tỷ lệ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này:</i>  <i>a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng các nội dung, công trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự</i></p>

án được đầu tư (không bao gồm chi phí đèn bù, giải phóng mặt bằng); trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50% so với tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Phần còn lại giao các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động và huy động các nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện theo quy định tại tiết 7 điểm b khoản 1 mục V của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này”.

(2) Về cơ chế hỗ trợ cho huyện phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới: Nội dung này đã được HĐND tỉnh quy định mức hỗ trợ cụ thể tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17/6/2022 ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, cụ thể: “a) Hỗ trợ xây dựng nông thôn mới cấp huyện: Hỗ trợ các huyện phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới hoàn thành hạ tầng giao thông kết nối liên xã, huyện; hạ tầng phục vụ sản xuất và các hoạt động của cộng đồng; phát triển y tế - văn hóa - giáo dục; công trình thu gom, xử lý, chất thải rắn, nước thải sinh hoạt; xử lý ô nhiễm môi trường khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề; công trình nước sạch tập trung.

Định mức hỗ trợ cho một công trình, dự án được bố trí từ ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới hỗ trợ không quá 80%”.

Mặt khác, tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND cũng

		<p>đã quy định ưu tiên phân bổ vốn cho huyện phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới, cụ thể: Hệ số phân bổ cao gấp 4 lần so với các xã đạt dưới 15 tiêu chí; tức hệ số được phân bổ vốn là 20.</p> <p>(3) Về cơ chế hỗ trợ cho xã phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Các xã chưa được công nhận đạt chuẩn (tức là các xã đang đạt dưới 19 tiêu chí). Đối với các xã này đã được ưu tiên bố trí nguồn vốn để phân đấu đạt chuẩn; cụ thể tại điểm b khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND, cụ thể:</p> <p><i>“1. Tiêu chí, hệ số phân bổ vốn đầu tư phát triển ngân sách Trung ương</i></p> <p><i>b) Đối với nguồn vốn đầu tư phát triển ngân sách trung ương giai đoạn 2022-2025</i></p> <p><i>- Tiêu chí, hệ số phân bổ cho đối tượng xã: Áp dụng tiêu chí, hệ số phân bổ tại khoản 1 Điều 5 Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể:</i></p> <p><i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí: hệ số 5,0; xã đạt từ 15 đến 18 tiêu chí: hệ số 3,0; xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: hệ số 1,0”.</i></p> <p>(4) Về ý kiến <i>“chưa có nội dung hướng dẫn quản lý sử dụng nguồn vốn huy động, việc thanh quyết toán đối với các dự án đã triển khai có huy động nguồn lực từ cộng đồng dân cư”</i>:</p> <p>Tại khoản 1 Điều 3 của dự thảo Nghị quyết này đã có quy định nội dung này, cụ thể: <i>“1. Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành”.</i></p>
-	<p>Đối với tỷ lệ huy động với các các dự án: Đường giao thông đến trung tâm xã, công trình phòng chống thiên tai cấp xã, cơ sở vật chất trường học, Trung tâm văn hóa - thể thao xã, điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em; đầu tư mới đài truyền thanh xã; loa</p>	<p>UBND tỉnh tiếp thu và điều chỉnh mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các nội dung, công trình này là 100%.</p>



<p>truyền thanh tới thôn... đây là những dự án có quy mô, nguồn vốn lớn, đối tượng thụ hưởng rộng, việc huy động nguồn lực từ người dân khó có khả thi, do vậy các dự án này do ngân sách nhà nước chịu trách nhiệm đảm bảo.</p>	
<p>Đối với các công trình sửa chữa, chỉnh trang tường rào, cổng ngõ, các công trình của gia đình bị ảnh hưởng bởi thi công các công trình công cộng: Quy định mức hỗ trợ ngân sách nhà nước là 50% đối với các xã khu vực III, xã thuộc huyện nghèo, các thôn đặc biệt khó khăn và 40% đối với các xã còn lại. Đề nghị cơ quan soạn thảo cần quy định chặt chẽ hơn về đối tượng hỗ trợ, vì công trình công cộng trên địa bàn tỉnh rất nhiều.</p>	<p>Đối với nội dung này thì quy định: Những hộ gia đình tự nguyện hiến, tháo dỡ: cổng, hàng rào, những công trình kiến trúc của gia đình....để giải phóng mặt bằng đầu tư xây dựng các công trình công cộng có liên quan, ảnh hưởng đến gia đình, như: làm đường giao thông, xây dựng nhà văn hóa, trường học,...thì sau khi đầu tư xây dựng, sửa chữa lại thì được ngân sách nhà nước hỗ trợ một phần vốn để thực hiện; tuy nhiên, để đảm bảo việc quy định được chặt chẽ hơn về đối tượng được hỗ trợ, UBND tỉnh tiếp thu và điều chỉnh nội dung này thành: “18. Sửa chữa, chỉnh trang, xây mới tường rào, cổng ngõ, các công trình kiến trúc của hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thi công các công trình công cộng (áp dụng đối với các hộ gia đình tự nguyện hiến đất, tháo dỡ các công trình của gia đình để thực hiện xây dựng các công trình công cộng)”.</p>
<p>Tại Điều 10 phân cấp nguồn thu để lại ngân sách quy định: Theo quy định điểm đ khoản 2, Mục V, Quyết định 236/QĐ-TTg quy định: <i>Tỷ lệ việc phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất có thu tiền sử dụng đất sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng</i>, cơ quan soạn thảo bổ sung thêm nội dung: <i>sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, kinh phí đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các chi phí khác theo quy định</i> là chưa phù hợp quy định của Thủ tướng Chính phủ, đề nghị xem xét điều chỉnh. Ngoài ra, việc quy định về tỷ lệ: <i>Đối với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã 70%; xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho</i></p>	<p>UBND tỉnh giải trình như sau:  (1) Xin tiếp thu và điều chỉnh nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định điểm đ khoản 2, Mục V, Quyết định 236/QĐ-TTg; cụ thể điều chỉnh lại như sau:  <b>“Điều 10. Phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã</b>  Để lại nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, với tỷ lệ cụ thể như sau:”  (2) Đối với quy định tỷ lệ để lại cho ngân sách cấp xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, cơ quan soạn thảo xin kế thừa theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Quy định tỷ lệ,</p>

<p><i>ngân sách xã tối thiểu 30%. Một số địa phương đề nghị nguồn vốn này giao cho địa phương chủ động cân đối và phân bổ cho cấp xã, vì hiện nay đối ứng của địa phương cho 03 Chương trình MTQG khá lớn và đối ứng chủ yếu từ nguồn thu này.</i></p>	<p>định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020. Mặt khác, theo văn bản góp ý của các huyện, thành phố thì chỉ có 01/08 địa phương (huyện Đắk Mil) có ý kiến nên để lại cho cấp huyện sau đó cấp huyện tự điều tiết.</p>
--	---

Ủy ban nhân dân tỉnh đã hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025 (*Dự thảo Nghị quyết gửi đính kèm*).

Đây là Nghị quyết rất quan trọng để làm cơ sở pháp lý triển khai 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 71/CĐ-TTg ngày 23/02/2023 về việc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, yêu cầu: “*Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khẩn trương ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành đầy đủ các quy định khung, văn bản quản lý, điều hành để triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia ở địa phương; hoàn thành trong Quý I năm 2023.*”. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua Nghị quyết nêu trên tại Kỳ họp chuyên đề lần thứ 7.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.. *u*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh; Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH&ĐT, NN&PTNT, TC, LĐ-TB&XH;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Lê Văn Chiến*  
**Lê Văn Chiến**

Số: /2023/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày tháng 4 năm 2023

**DỰ THẢO**

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV, KỶ HỌP CHUYÊN ĐỀ LẦN THỨ 7**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;*

*Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc ban hành Nghị quyết Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này đúng quy định pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Hiệu lực thi hành**

1. Các nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia được bố trí vốn trước khi Nghị quyết này được ban hành thì tiếp tục triển khai thực hiện theo quy định tại các Nghị quyết đã ban hành.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông, Khóa IV, kỳ họp chuyên đề thứ 7 thông qua ngày ... tháng ... năm 2023, có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2023./.

*Nơi nhận:*

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội;
- Các Bộ: KH&ĐT, LĐ-TB&XH, TC, NN&PTNT;
- Ủy ban Dân tộc, Ban Công tác đại biểu;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh, Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, TP;
- HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Đắk Nông; Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh; Công báo tỉnh;
- Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ;
- Lưu VT, CT.HĐND, HC-TC-QT.

**CHỦ TỊCH****Lưu Văn Trung**

## QUY ĐỊNH

**Cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình  
mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình  
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn  
tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số /2023/NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2023 của  
Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### Chương 1

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến cơ chế huy động và hỗ trợ tại Điều 1 Quy định này.

2. Các xã khu vực III, xã khu vực II, xã khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; các thôn, bon, buôn, bản (gọi tắt là các thôn) đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thực hiện theo Quyết định của Bộ trưởng - Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; các xã còn lại.

### Chương 2

#### CƠ CHẾ HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC KHÁC THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

##### Điều 3. Nguồn vốn huy động

1. Nguồn vốn tín dụng: Vốn tín dụng ưu đãi của Nhà nước, vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài, vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng thương mại; vốn ngân sách nhà nước các cấp ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội.

2. Nguồn vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân để phát triển sản xuất, kinh doanh.

3. Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (bằng tiền hoặc hiện vật) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

4. Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng.

## **Điều 4. Nguyên tắc huy động vốn**

1. Khuyến khích, huy động tối đa nguồn vốn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư nhằm thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

2. Huy động nguồn vốn để thực hiện các hoạt động, nội dung, dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phải gắn kết, phù hợp với tình hình đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương và hướng tới hoàn thành các mục tiêu đề ra của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

3. Hoạt động huy động nguồn vốn được thực hiện theo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, huy động bằng nhiều hình thức (*đóng góp bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*); đảm bảo cơ chế giám sát của Nhà nước, các tổ chức đoàn thể và của cộng đồng dân cư.

4. Các nguồn vốn huy động phải được sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung công việc cụ thể đã thống nhất. Khi hoạt động, nội dung, dự án hoàn thành còn dư vốn huy động thì được chuyển qua đầu tư cho hoạt động, nội dung, dự án khác trên cùng địa bàn các thôn và phải thông báo công khai cho đối tượng đóng góp biết.

5. Việc huy động nguồn vốn gắn với các dự án chỉ sử dụng một nguồn vốn hoặc dự án lồng ghép có chung mục tiêu, đối tượng trên địa bàn phải dựa trên cơ sở thỏa thuận rõ về sự tham gia vào quá trình thẩm định, phê duyệt, thủ tục hạch toán, đối ứng, quản lý tài chính đối với phần vốn góp của các bên đóng góp để khuyến khích góp vốn chung. Giá trị huy động các nguồn vốn khác phải được thể hiện rõ trong quyết định phê duyệt dự án, dự toán và phải được theo dõi, đánh giá tổng hợp báo cáo theo quy định.

## **Điều 5. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn tín dụng**

### **1. Phương thức huy động**

a) Huy động tối đa nguồn vốn tín dụng từ Ngân hàng Chính sách xã hội; Quỹ hỗ trợ Hợp tác xã; vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài và từ các tổ chức tín dụng thương mại để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thông qua các chính sách tín dụng thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của Chính phủ; các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ tín dụng đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn; chính sách hỗ trợ tín dụng cho người nghèo.

b) Hằng năm, tùy thuộc vào khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân (*cấp tỉnh, cấp huyện*) trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để thực hiện chính sách tín dụng, hỗ trợ tín dụng cho từng đối tượng, lĩnh vực, nội dung, hoạt động thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm phù hợp với đặc điểm tình hình kinh tế - xã hội tại địa phương và quy định của pháp luật.

### **2. Sử dụng nguồn vốn tín dụng**

a) Nguồn vốn tín dụng từ ngân sách nhà nước ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội: Thực hiện theo quy định về hoạt động cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam và các quy định khác có liên quan.

b) Vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài: Thực hiện theo quy định về quản lý và sử dụng vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài cung cấp cho Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định pháp luật liên quan.

c) Nguồn vốn tín dụng thương mại: Thực hiện theo quy định của pháp luật về hoạt động tín dụng và thỏa thuận riêng giữa bên vay và bên cho vay.

## **Điều 6. Phương thức huy động và sử dụng nguồn vốn hợp pháp khác**

### **1. Phương thức huy động**

a) Thông qua việc thực hiện các cơ chế, chính sách thu hút đầu tư của Trung ương và của tỉnh, tạo động lực khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tập trung nguồn vốn để đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, góp phần thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Huy động nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho từng hoạt động, nội dung, dự án cụ thể hoặc cho ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Huy động nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng. Việc huy động nguồn vốn đóng góp của cộng đồng dân cư phải được bàn bạc dân chủ, được người dân nhất trí; phải thực hiện công khai danh mục dự án đầu tư, nguồn vốn đầu tư, tỷ lệ đóng góp cho từng dự án, nội dung cụ thể và đề nghị Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua.

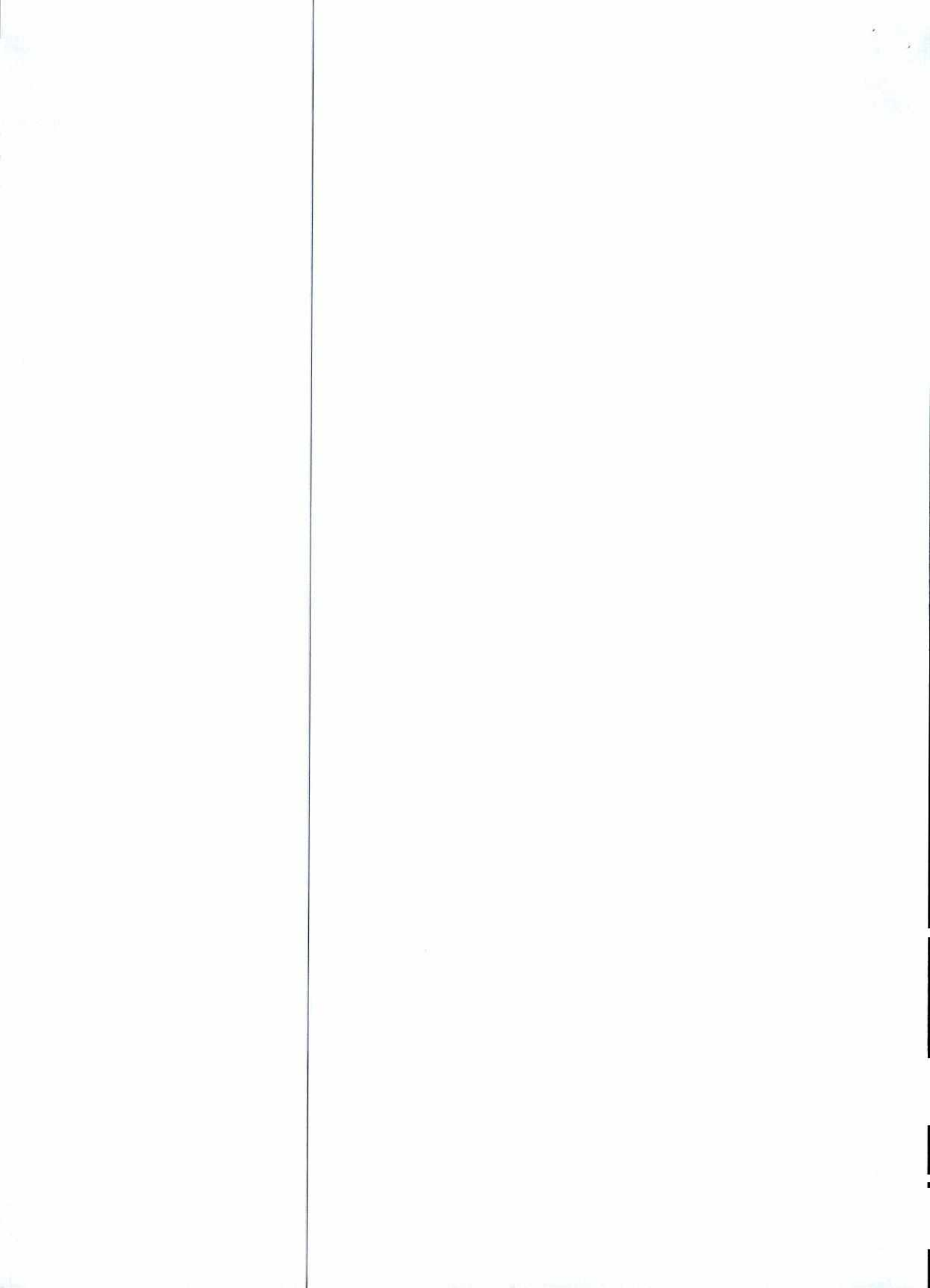
### **2. Sử dụng nguồn vốn huy động hợp pháp khác**

a) Nguồn vốn đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan.

b) Nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn viện trợ phi Chính phủ: Được quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

c) Nguồn vốn đóng góp, tài trợ (*bằng tiền hoặc hiện vật*) của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước (không thuộc nguồn vốn quy định tại điểm b khoản này): Đối với khoản đóng góp, viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước phải được dự toán, hạch toán, quyết toán đầy đủ vào ngân sách nhà nước; đối với các khoản đóng góp, viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật hiện hành của Nhà nước và thỏa thuận với các nhà tài trợ.

d) Nguồn vốn đóng góp tự nguyện (*bằng tiền, hiện vật hoặc ngày công lao động*) của cộng đồng dân cư tham gia thực hiện các dự án đầu tư thuộc Chương





trình mục tiêu quốc gia do cộng đồng dân cư trực tiếp quản lý, sử dụng thì không hạch toán vào thu, chi ngân sách nhà nước; đối với các nguồn đóng góp bằng hiện vật và ngày công lao động, căn cứ đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động để hạch toán vào giá trị công trình, dự án để theo dõi, quản lý.

### **Điều 7. Công khai tài chính nguồn vốn huy động hợp pháp khác**

1. Nội dung công khai: Kết quả huy động vốn (*đối tượng, thời gian, hình thức, mức huy động, đóng góp của các đối tượng*); việc sử dụng nguồn vốn huy động để đầu tư, hỗ trợ thực hiện các nội dung thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia; số chênh lệch thu, chi phải được công khai (nếu có).

2. Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã, Nhà văn hóa các thôn; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã, thôn và thông qua các buổi họp trực tiếp với nhân dân.

### **Điều 8. Kiểm tra, giám sát nguồn vốn huy động hợp pháp khác**

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia thường xuyên kiểm tra, giám sát các hoạt động huy động đóng góp, sử dụng nguồn vốn để chủ động trong việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo triển khai thực hiện các nội dung kêu gọi đầu tư, hỗ trợ theo đúng quy định hiện hành. Đồng thời chấn chỉnh những sai sót có thể xảy ra để điều chỉnh, xử lý kịp thời theo quy định pháp luật.

2. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cơ sở có trách nhiệm kiểm tra, giám sát nguồn vốn trong huy động và quá trình quản lý, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật; đồng thời kiểm tra, giám sát việc công khai, minh bạch trong huy động, sử dụng nguồn vốn huy động theo quy định của pháp luật.

## **Chương 3**

### **CƠ CHẾ HỖ TRỢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

#### **Điều 9. Mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã**

1. Nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xây dựng nông thôn mới cấp xã theo tỷ lệ hỗ trợ tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này

a) Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư xây dựng các nội dung, công trình quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này là mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách nhà nước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) tổng dự toán công trình, dự án được đầu tư (*không bao gồm chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng*); trong đó: Ngân sách trung ương hỗ trợ 50%, ngân sách địa phương hỗ trợ 50% so với tổng mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.

b) Phần còn lại giao các địa phương tổ chức tuyên truyền, vận động và huy động các nguồn vốn đóng góp từ người dân, doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác ngoài ngân sách để tổ chức thực hiện theo quy định tại tiết 7 điểm b khoản 1 mục V của Chương trình ban hành kèm theo Quyết định số

263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các quy định tại Nghị quyết này.

2. Thứ tự ưu tiên trong việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu do ngân sách nhà nước hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; cụ thể như sau:

a) Thứ nhất: Đường giao thông (gồm: đường trục thôn, bon, buôn, bản; đường liên thôn, bon, buôn, bản; đường ngõ xóm; đường xã và đường trục chính nội đồng).

b) Thứ hai: Trường học (gồm: Trường Trung học cơ sở, Trường Tiểu học và Trường Mầm non).

c) Thứ ba: Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

d) Thứ tư: Các công trình khác thuộc đối tượng đầu tư của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

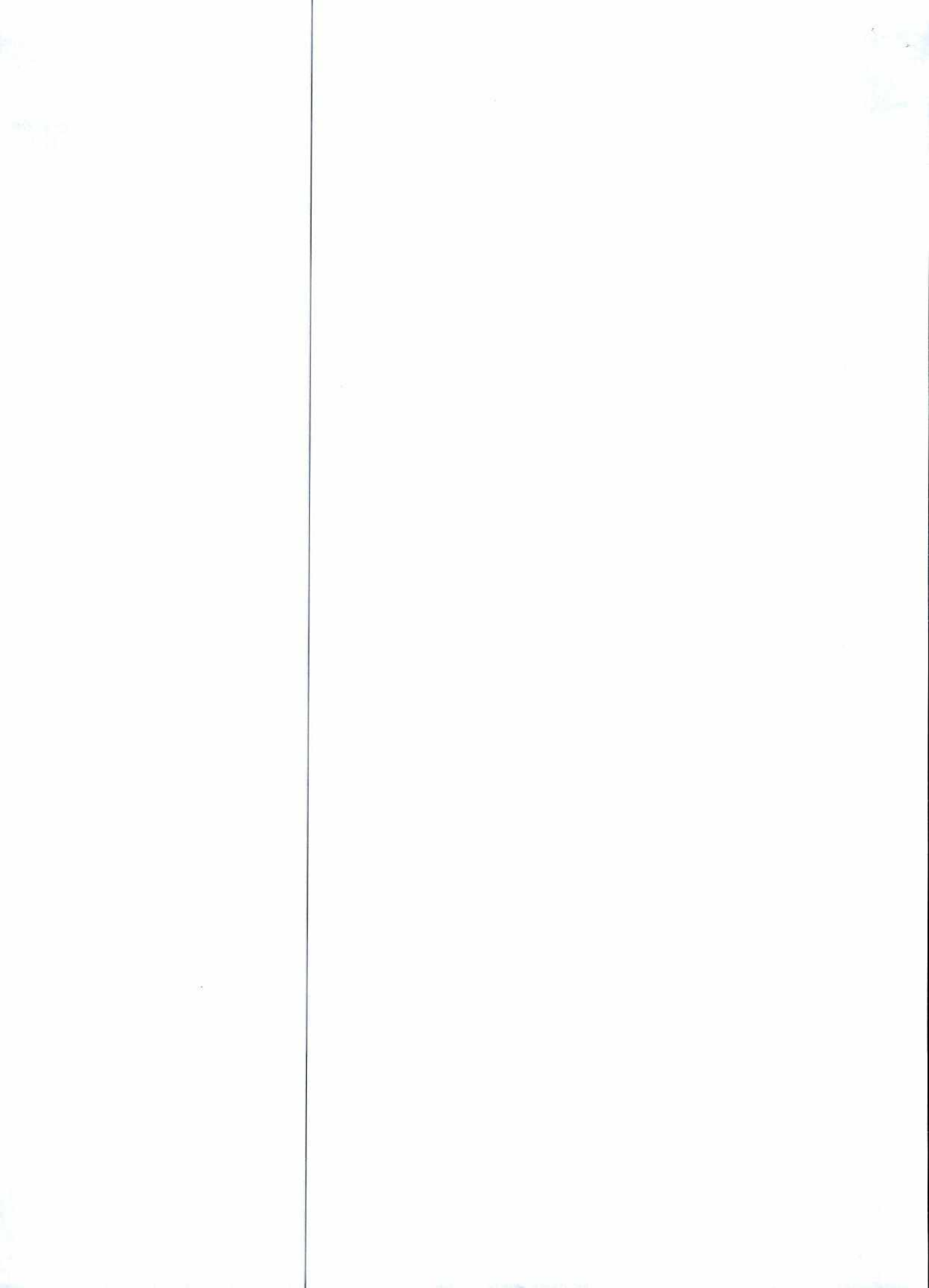
Việc lập kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn các xã phải thực hiện cơ bản hoàn thành ưu tiên thứ nhất, thứ hai và thứ ba, sau đó mới lập kế hoạch triển khai thực hiện nội dung ưu tiên thứ tư, trừ trường hợp các xã có khả năng đạt chuẩn trong năm kế hoạch; đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới thì thứ tự ưu tiên đầu tư các công trình, dự án theo sự sắp xếp của xã phù hợp với tình hình thực tế để đảm bảo tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu. Nếu Trung ương có quy định khác về thứ tự ưu tiên so với thứ tự ưu tiên nêu trong Nghị quyết này cho một nguồn vốn cụ thể thì thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương.

3. Mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi, các huyện nghèo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ áp dụng đối với những nội dung không thuộc đối tượng, nội dung hỗ trợ của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững để thực hiện.

#### **Điều 10. Phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã**

Để lại nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi đã hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã cho ngân sách xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới, với tỷ lệ cụ thể như sau:

1. Đối với xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã 70%.
2. Đối với xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để lại cho ngân sách xã tối thiểu 30%.



**Phụ lục**

**MỨC HỖ TRỢ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG  
XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI CẤP XÃ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU  
QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK NÔNG  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn	Các xã còn lại
<b>I</b>	<b>Công trình giao thông nông thôn</b>			
1	Đường giao thông đến trung tâm xã	%	100	100
2	Đường giao thông trục thôn, bon, buôn, bản; đường giao thông liên thôn; ngõ xóm	%	95	85
3	Đường giao thông nội đồng	%	95	85
4	Cống qua đường giao thông nông thôn; rãnh thoát nước; công trình thoát nước thải khu dân cư	%	95	85
5	Cầu qua đường giao thông nông thôn	%	95	85
<b>II</b>	<b>Hệ thống thủy lợi nội đồng, hạ tầng thiết yếu phục vụ phòng chống thiên tai</b>			
6	Cải tạo, xây mới hệ thống kênh mương và công trình trên kênh	%	95	85
7	Công trình phòng chống thiên tai cấp xã	%	100	100
<b>III</b>	<b>Công trình giáo dục</b>			
8	Cơ sở vật chất trường học (trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở).	%	100	100
<b>IV</b>	<b>Công trình văn hóa</b>			
9	Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã hoặc Hội trường đa năng có sân thể thao	%	100	100
10	Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn, bon, buôn, bản	%	95	85
11	Điểm vui chơi giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi	%	100	100
<b>V</b>	<b>Công trình cấp nước sinh hoạt</b>			

TT	Nội dung hỗ trợ	ĐVT	Địa bàn và định mức hỗ trợ	
			Xã khu vực III; xã thuộc huyện nghèo; các thôn đặc biệt khó khăn	Các xã còn lại
12	Công trình, hệ thống vật tư, thiết bị cấp nước sinh hoạt tập trung khu vực nông thôn	%	95	90
<b>VI</b>	<b>Công trình vệ sinh môi trường nông thôn</b>			
13	Hệ thống thu gom, xử lý chất thải vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản	%	95	85
14	Hệ thống thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải của cụm xã, xã và các thôn (không bao gồm đầu tư cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt chỉ có phạm vi phục vụ trên địa bàn một đơn vị hành chính cấp xã)	%	95	85
15	Thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng	%	95	85
<b>VII</b>	<b>Cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở</b>			
16	Đầu tư mới đài truyền thanh xã; hệ thống loa truyền thanh tới thôn	%	100	100
<b>VIII</b>	<b>Hạ tầng thương mại nông thôn</b>			
17	Chợ nông thôn	%	95	90
<b>IX</b>	<b>Cải tạo cảnh quan nông thôn</b>			
18	Sửa chữa, chỉnh trang, xây mới tường rào, cổng ngõ, các công trình kiến trúc của hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi thi công các công trình công cộng (áp dụng đối với các hộ gia đình tự nguyện hiến đất, tháo dỡ các công trình của gia đình để thực hiện xây dựng các công trình công cộng)	%	50	40

Số: 16 /TB-HĐND

Đắk Nông, ngày 22 tháng 4 năm 2023

## **THÔNG BÁO**

### **Kết luận Phiên họp thứ 29 Thường trực HĐND tỉnh Khóa IV**

Ngày 20/4/2023, Thường trực HĐND tỉnh tổ chức Phiên họp thứ 29 để xem xét, giải quyết các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp; nghe các Ban HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 và các nội dung khác thuộc thẩm quyền.

Chủ trì Phiên họp: Đồng chí Lưu Văn Trung – Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh.

Tham dự Phiên họp có các đồng chí Phó Chủ tịch HĐND tỉnh, Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, đại diện lãnh đạo UBND tỉnh (*đồng chí Lê Văn Chiến – UVBTV TU, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh, đ/c Lê Trọng Yên – TUV, Phó Chủ tịch UBND tỉnh*), lãnh đạo các Ban của HĐND tỉnh, lãnh đạo Văn phòng: Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh và lãnh đạo các Sở, ngành liên quan.

Sau khi nghe các Ban HĐND tỉnh báo cáo kết quả thẩm tra các nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp do UBND tỉnh trình; kết quả thẩm tra các đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7; ý kiến tiếp thu, giải trình của các sở, ngành có liên quan và UBND tỉnh; ý kiến thảo luận của các đồng chí tham dự Phiên họp, Thường trực HĐND tỉnh thống nhất kết luận như sau:

#### **1. Đối với nội dung phát sinh giữa hai kỳ họp HĐND tỉnh**

##### *1.1. Tờ trình số 1905/TTr-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh về việc bổ sung dự toán năm 2023*

Để kịp thời bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với đề xuất bổ sung dự toán năm 2023 cho các cơ quan, đơn vị tại Tờ trình nêu trên. Riêng việc bổ sung dự toán năm 2023 cho Sở Lao động Thương binh và Xã hội để chi trả kinh phí các đối tượng hợp đồng 68 với số tiền là 180 triệu đồng và bổ sung dự toán cho Ban Quản lý Công viên địa chất Đắk Nông với số tiền là 52,9 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách tỉnh để bổ sung dự toán kịp thời (*vì đây là những nhiệm vụ chi có tính chất nhỏ, lẻ, mới phát sinh năm 2023 và không phải là các nhiệm vụ, chính sách đặc thù phát sinh khác của địa phương*). UBND tỉnh chỉ đạo cơ quan tham mưu rút kinh nghiệm trong việc tham mưu sử dụng

nguồn ngân sách nhà nước đảm bảo phù hợp, đúng quy định về nội dung chi và nhiệm vụ chi.

*1.2. Tờ trình số 1972/TTr-UBND ngày 17/4/2023 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của các cơ quan, đơn vị*

Thông nhất điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2023 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để bổ sung cho Ban Quản lý các Khu Công nghiệp tỉnh với số tiền là 2.693 triệu đồng tại Tờ trình nêu trên. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về tính chính xác các số liệu đề xuất, triển khai kịp thời, hiệu quả, đúng quy định pháp luật.

## **2. Đối với các tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết trình Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 – HĐND tỉnh**

*2.1. Tờ trình số 1574/TTr-UBND ngày 31/3/2022 của UBND tỉnh về Dự thảo nghị quyết quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*

Thường trực HĐND tỉnh thống nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua. Tuy nhiên, để dự thảo nghị quyết ban hành chặt chẽ, thống nhất và có tính khả thi cao, đề nghị UBND tỉnh một số nội dung sau:

- Việc xây dựng nội dung chi, mức chi hỗ trợ sử dụng kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (viết tắt là CTMTQG) trên địa bàn tỉnh phải đảm bảo nguyên tắc thống nhất, đồng bộ chung giữa các quy định pháp luật và các Nghị quyết HĐND tỉnh đã ban hành.

- Chỉ đạo Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban KT-NS rà soát Nghị quyết số 26/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 và Nghị quyết số 22/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của HĐND tỉnh, trường hợp các nghị quyết trên không còn phù hợp với các quy định hiện hành thì đề nghị bãi bỏ toàn bộ các nghị quyết, trường những nội dung còn hiệu lực, phù hợp với thực tiễn thì tiếp tục thực hiện mà chỉ bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp.

- Về hỗ trợ xây mới nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo là 70 triệu đồng (ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng, ngân sách địa phương hỗ trợ 30 triệu đồng), đề nghị UBND tỉnh điều chỉnh, bổ sung như sau “*ngân sách trung ương hỗ trợ 40 triệu đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác hỗ trợ 30 triệu đồng*”.

Giao UBND tỉnh tiếp thu, có báo cáo giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và chủ động phối hợp rà soát, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh thông qua.

2.2. Tờ trình số 1765/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định về cơ chế huy động các nguồn lực khác thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Đắk Nông giai đoạn 2021-2025

- Việc xây dựng và ban hành nghị quyết nêu trên là cần thiết, phù hợp với quy định pháp luật nhằm huy động tối đa các nguồn lực ngoài ngân sách, làm cơ sở cho các địa phương lập kế hoạch, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư các CTMTQG trên địa bàn tỉnh, góp phần hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ nghị quyết Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã đề ra. Tuy nhiên, dự thảo nghị quyết chưa tổ chức khảo sát và lấy ý kiến cấp xã là chưa phù hợp, vì đây là những đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của nghị quyết. Ngoài ra, cơ quan soạn thảo xây dựng nghị quyết theo trình tự thủ tục rút gọn nhưng chưa có ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh là chưa đảm bảo quy định tại khoản 4 Điều 147 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và chưa có ý kiến của Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo Quy chế số 02-QC/TU ngày 10/12/2020 của Tỉnh ủy.

- Về nội dung dự thảo nghị quyết và quy định cơ chế huy động các nguồn lực thực hiện các CTMTQG: Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất nội dung quy định tại Chương I, Chương II của dự thảo nghị quyết. Tuy nhiên, đối với Chương III về cơ chế hỗ trợ thực hiện CTMTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025, Thường trực HĐND tỉnh có một số ý kiến như sau:

(1) Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo nghiên cứu, đánh giá kỹ kết quả thực hiện Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh Đắk Nông quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các CTMTQG trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020 (nay đã hết hiệu lực), đối với những nội dung thực hiện có hiệu quả, còn phù hợp với thực tiễn, tạo được sự đồng thuận cao của Nhân dân, như việc hỗ trợ vật liệu xây dựng giao thông nông thôn... thì tiếp thu, kế thừa đưa vào dự thảo nghị quyết mới.

(2) Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp thu ý kiến thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp để hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh xem xét thông qua tại kỳ họp này, trường hợp chuẩn bị nội dung chưa kỹ, chưa đảm bảo quy trình, thủ tục quy định đề nghị UBND tỉnh trình kỳ họp sau.

(3) Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng nội dung dự thảo nghị quyết theo quy trình thủ tục rút gọn như đề xuất của UBND tỉnh.



2.3. Tờ trình số 1756/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết thông qua giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2022, năm 2023 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Thông nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết nêu trên. Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban và chủ động phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.4. Tờ trình số 1767/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 02/2021/NQ-HĐND ngày 20/8/2021 của HĐND tỉnh Đắk Nông về việc kéo dài thời hạn áp dụng Nghị quyết số 04/2018/NQ-HĐND ngày 02/8/2018 của HĐND tỉnh quy định tỷ lệ, định mức hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu trong việc triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông đến năm 2020

Thông nhất với kết quả thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh tại Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 19/4/2023 và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết. Giao cơ quan soạn thảo phối hợp với Ban Pháp chế hoàn chỉnh nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

2.5. Tờ trình số 1875/TTr-UBND ngày 13/4/2023 của UBND tỉnh về việc đề nghị bổ sung danh mục và ban hành các Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư, điều chỉnh chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư phát triển

- Thông nhất với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét điều chỉnh, phê duyệt chủ trương đầu tư một số dự án đầu tư phát triển. Tuy nhiên, UBND tỉnh lưu ý việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt phải đảm bảo sự cần thiết, phù hợp với quy hoạch, đồng thời chịu trách nhiệm về tính khả thi, hiệu quả của dự án.

- Riêng đối với việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 – Liên tỉnh IV tại Nậm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn 1, nội dung đề xuất điều chỉnh thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh, do đó đề nghị UBND tỉnh thực hiện theo đúng thẩm quyền theo quy định.

- Đối với đề xuất điều chỉnh nhiệm vụ làm chủ đầu tư các dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắk Nông và dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy từ Văn phòng Tỉnh ủy sang Ban tổ chức và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh cơ bản thống nhất với đề xuất của UBND tỉnh. Đề nghị UBND tỉnh khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo quy định trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua tại kỳ họp.

- Giao UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

*2.6. Tờ trình số 1935/TTr-UBND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh về việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương năm 2022 sang năm 2023 của 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*

Thông nhất với dự thảo Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét thông qua. Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua. Đồng thời, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo các huyện, thành phố bố trí đủ vốn đối ứng thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2022 trên địa bàn tỉnh.

*2.7. Tờ trình số 1766/TTr-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*

Thông nhất với Dự thảo Báo cáo thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và trình HĐND tỉnh xem xét, thông qua. UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban KT-NS HĐND tỉnh và chủ động phối hợp hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

*2.8. Tờ trình số 1296/TTr-UBND ngày 20/3/2023 của UBND tỉnh về Dự thảo Nghị quyết quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” và hỗ trợ người dân tham gia học xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Đắk Nông*

Trên cơ sở đề xuất bổ sung đối tượng là người khuyết tật, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo ngoài vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ được hỗ trợ 500.000 đồng/người/chương trình tại Báo cáo số 12/BC-HĐND ngày 11/4/2023 của Ban VH-XH HĐND tỉnh, ý kiến thống nhất của đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh và thành viên Thường trực HĐND tỉnh tại phiên họp. Thường trực HĐND tỉnh thống nhất như sau:

- Thống nhất bổ sung đối tượng trên vào dự thảo nghị quyết, kinh phí thực hiện do ngân sách địa phương đảm bảo.

- Đối với kinh phí hỗ trợ người dân thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ (500.000 đồng/người/chương trình). Trường hợp sau năm 2025 Chương trình mục tiêu quốc gia không tiếp tục hỗ trợ nội dung trên, thì ngân

sách địa phương đảm bảo nhằm thực hiện mục tiêu, hiệu quả của Đề án xã hội học tập giai đoạn 2021-2030.

Đề nghị UBND tỉnh có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của Ban VH-XH và kết luận của Thường trực HĐND tỉnh, hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết trước khi trình HĐND tỉnh thông qua. UBND tỉnh chịu trách nhiệm về hồ sơ dự thảo nghị quyết trình HĐND tỉnh và cụ thể hóa nghị quyết sau khi ban hành, đảm bảo cân đối, bố trí đủ nguồn lực thực hiện nghị quyết hiệu quả.

### **3. Về dự thảo Nghị quyết kết quả giám sát chuyên đề HĐND tỉnh về việc chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, sử dụng đất đai thu hồi từ các Công ty nông, lâm nghiệp; Nông, lâm trường giao về cho địa phương quản lý, sử dụng giai đoạn 2015 – 2021**

Giao Văn phòng rà soát, hoàn chỉnh lại dự thảo nghị quyết theo ý kiến góp ý của các đồng chí trong Thường trực HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh thông qua tại Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7. Đồng chí Nguyễn Ngọc Khoa – Ủy viên Thường trực HĐND tỉnh, Trưởng ban pháp chế HĐND tỉnh, thành viên Đoàn giám sát thông qua báo cáo tóm tắt kết quả giám sát tại kỳ họp.

#### **4. Công tác chuẩn bị, tổ chức Kỳ họp Chuyên đề lần thứ 7 HĐND tỉnh**

- Thời gian: Vào ngày 25 tháng 4 năm 2023 (Thứ 3).  
- Về Chương trình kỳ họp: Thống nhất như dự kiến, giao Văn phòng rà soát, hoàn chỉnh phục vụ kỳ họp.

- Về công tác chuẩn bị nội dung: Để công tác chuẩn bị nội dung kỳ họp đạt chất lượng, chặt chẽ, kịp tiến độ theo kế hoạch đề ra, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh khẩn trương chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng báo cáo tiếp thu giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và kết luận của Thường trực HĐND tỉnh gửi về HĐND tỉnh **chậm nhất ngày 23/4/2023** để đại biểu xem xét, quyết nghị; phối hợp rà soát, hoàn chỉnh các dự thảo nghị quyết đảm bảo chặt chẽ trước khi trình HĐND tỉnh thông qua.

Giao các Ban HĐND tỉnh chủ động phối hợp với các cơ quan soạn thảo, Sở Tư pháp khẩn trương rà soát toàn bộ nội dung các dự thảo nghị quyết trước khi trình kỳ họp.

Giao Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì, tham mưu phục vụ kỳ họp đảm bảo chu đáo, chặt chẽ, an toàn, đúng luật định.

#### **5. Về thành lập Đoàn giám sát chuyên đề triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh do Đoàn ĐBQH tỉnh chủ trì**

- Thường trực HĐND tỉnh thống nhất phân công các đồng chí sau tham gia Đoàn giám sát, gồm:

- + Đồng chí Mai Thị Xuân Trung – TUV, Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Nguyễn Đình Đạo – Trưởng Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Lê Quốc Đông – Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Kiều Châu Loan – Phó Trưởng Ban VH-XH HĐND tỉnh;
- + Đồng chí Vi Thị Thảo Quyên – Phó trưởng Ban Dân tộc HĐND tỉnh.

- Thư ký Đoàn giám sát: Giao Lãnh đạo Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh chủ trì và tổ chức thành lập Tổ giúp việc.

Trên đây là Thông báo kết luận Phiên họp thứ 29, Thường trực HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh, các cơ quan, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các Sở, ngành: TC, KH&ĐT, NNPT&NT, TP;
- VP: Đoàn ĐBQH & HĐND, UBND tỉnh;
- LH Phòng: CTHĐND, DN, HC-TC-QT;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND.

**TL. CHỦ TỊCH  
CHÁNH VĂN PHÒNG**



**Phan Quốc Lập**